TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** **---------**

Bản án số: 361/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2018
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hảo

Hội thẩm nhân dân : 1/ Ông Trần Văn Chánh

2/ Ông Trần Công Danh

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp B: không tham gia phiên tòa.

Ngày 28/9/2018 tại trụ sở, Tòa án ND TP B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1629/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 402/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/9 /2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1990.
Địa chỉ: tổ 15A, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.
Bị đơn: ông Lê Văn T, sinh năm: 1985.
Địa chỉ: tổ 15A, khu phố 4, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.
(Bà H, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: bà tự nguyện xây dựng gia đình với ông T vào năm 2013, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, đến cuối năm 2016 hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tình cảm, bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không tôn trọng nhau, hai vợ chồng đã ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn đỉnh điểm là từ tháng 01/2017, bà đã nộp đơn lên Tòa xin ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng hàn gắn nhưng không thành. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông T nữa vì thế chuyện vợ chồng không hòa hợp, ông T thường xuyên kiếm chuyện, có lúc ông T đòi tự tử, bế con bỏ nhà đi nhiều lần, hù dọa sẽ chết làm cho gia đình lo lắng. Ông T còn đe dọa giết chết cả vợ và con, có một lần vợ chồng cãi nhau ông T mua xăng vào phòng hù dọa thiêu đốt vợ, con, ngoài ra ông T còn bóp cổ bà khiến bà rất sợ hãi không còn muốn chung sống nữa. Ông T cho rằng muốn hàn gắn nhưng khi làm

việc hòa giải trên Tòa về ông T đã đuổi bà ra khỏi nhà và không cho bế con theo. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với ông T, bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: có một con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 30/10/2013. Ly hôn bà xin nhận nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Từ nhỏ bà sinh và nuôi con trong khi ông T đi làm xa, có khi làm bên Lào, nên mẹ con sống với nhau rất quấn quýt. Chỉ gần 01 tháng nay, ông T đuổi bà ra khỏi nhà, không cho mang con theo, nói với cô giáo không cho bà đón con, nên mỗi lần gặp con bà phải gặp lén lút. Nguyện vọng bà được nuôi con, không đồng ý để ông T nuôi con. Thu nhập của bà theo bảng kê đã nộp cho Tòa án trung bình 7tr/tháng và đang ở nhà trọ nhưng đủ điều kiện để chăm con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****** *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai bị đơn ông Lê Văn T trình bày***:**

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà H kết hôn vào năm 2013, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống thì thời gian đầu hạnh phúc đến lúc vợ ông xin được việc làm thì bà H không có ý định chung sống với ông nữa. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt, nhất là chuyện chăn gối luôn né tránh. Trong lúc nóng giận ông có hù dọa bà H như lời khai của bà H đã nêu. Tất cả sự việc trên ông cũng chỉ muốn vợ chồng như trước lúc mới cưới. Nay bà H làm đơn xin ly hôn ông không đồng ý, muốn hàn gắn và nuôi con chung.

Về con chung: có một con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 30/10/2013. Ly hôn ông sẽ nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Gần 01 tháng nay ông có kêu bà H nếu không đồng ý hàn gắn thì dọn ra ngoài ở và không được mang con theo. Quan điểm của ông: ông xây nhà cho vợ con ở, nay vợ không ở thì con phải ở lại với ông, hơn nữa bà H ra ngoài ở nhà trọ, điều kiện không bằng ông, bà H có thể bước thêm bước nữa nên ông không muốn con gái sống với cha dượng. Còn sống với mẹ kế sẽ đỡ hơn cha dượng.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Văn T cư trú phường L, thành phố B, tỉnh Đ nên đơn xin ly hôn của bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP B, tỉnh Đ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các bên đương sự có mặt tại phiên tòa.

[3]Về quan hệ hôn nhân:

Bà H và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã Q, huyện L, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T là có thật, quá trình giải quyết vụ án, hai bên đều thừa nhận mâu thuẫn trong gia đình, trong quan điểm sống và tính cách. Ông T không đồng ý ly hôn do còn thương yêu bà H và muốn hàn gắn nhưng lại yêu cầu bà H ra khỏi nhà không được đưa con theo. Bà H kiên quyết ly hôn do tình cảm đối với ông T không còn, Tòa án hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Bản thân ông T cũng không có biện pháp cải thiện mâu thuẫn, và thuyết phục bà H hàn gắn. Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông T đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, nên chấp nhận.

- Về con chung: ông, bà có có một con chung là cháu Lê Nhã U, sinh ngày 30/10/2013. Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con, dù là nguyện vọng chính đáng của cả cha mẹ, điều kiện thu nhập hai bên ngang nhau, tuy nhiên theo lời trình bày của bà H được ông T xác nhận: từ khi sinh cháu, ông T đi làm xa, chỉ có hai mẹ con bà H sống cùng nhau nên tình cảm gắn bó, bà H là mẹ không đồng ý giao con cho ông T nuôi, điều kiện việc làm thu nhập của bà H cũng phù hợp. Vì lợi ích của trẻ và quyền lợi của phụ nữ nghĩ nên giao con cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

Bà H phải nộp án phí HNGĐ-ST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 203; Điều 220; Điều 227, Điều 235; Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 87, 88, 89, 91, 92, 93, 94 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Lê Văn T.

- Về con chung: giao cháu Lê Nhã U, sinh ngày 30/10/2013 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi.

Ông T được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:không có nên không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí HNGĐ-ST: bà H phải nộp 300.000đ được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 007956 ngày 05/7/2018 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà H, ông T biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (2);
- VKS (2);
- THA Dân sự (1);
- Lưu (4);
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH(1);
- Đương sự (2).

Nguyễn Thị Phương Hảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**